

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2026/HNGĐ - ST**

Ngày: 16- 6 -2026.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Phúc**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Sĩ Lợi**

2. Bà **Nguyễn Thị Trúc Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - là thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Lợi** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2026/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐXXST-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **My Ra Y**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh L.

Bị đơn: Anh **Drao S**, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Xóm C, thôn T, xã K, tỉnh L.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 3 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **My Ra Y** trình bày:

Chị và anh **Drao S** yêu thương và tự nguyện tìm hiểu trong khoảng thời gian khoảng 03 năm thì chung sống với nhau. Vợ chồng chung sống với nhau thực tế từ khoảng năm 2005. Năm 2006 sinh con đầu lòng. Đến năm 2007 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, tỉnh L vào ngày 07/5/2007.

Quá trình trong thời gian đầu chung sống giữa hai vợ chồng đã phát sinh những mâu thuẫn nhỏ nhất. Nguyên nhân là do anh **Drao S** thường xuyên uống rượu say về gây sự với chị, dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Dần dần, mâu thuẫn ngày càng tăng, càng về sau mâu thuẫn càng trầm trọng, không chỉ cãi nhau mà anh **Drao S** còn đánh vợ, đánh con.

Khoảng từ năm 2016 – 2017 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh S thường xuyên nhậu nhẹt, ít chăm lo làm ăn, anh S ở nhà làm vườn của nhà nhưng không chịu chăm sóc, tưới cây đầy đủ nên hầu như làm không có kinh tế. Kinh tế gia đình hầu như mình chị lo. Chị thường xuyên đi làm thuê cho người ta để kiếm tiền. Trong khoảng thời gian này chị làm việc ở trại gà tại Đ (nay là xã Đ), anh Drao S có làm chung với chị được 3 tháng, sau đó không chịu làm nữa và bắt chị cùng nghỉ việc nhưng chị không đồng ý vì nếu nghỉ việc thì không có thu nhập, không có tiền nuôi con. Anh S tự bỏ về nhà, còn mình chị vẫn làm ở trại gà. Việc chị tiếp tục làm việc trong khi anh Drao S muốn chị nghỉ dẫn đến việc anh Drao S ghen tuông vô cớ và gây sự với chị, chị làm ở trại gà được một thời gian thì nghỉ. Đến năm 2020 chị làm việc tại công ty R1 ở Đ. Chị đi làm ở đâu anh S cũng ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị quen người này người kia và chửi bới, đánh đập chị, nhục mạ chị là ngủ với người này người khác. Vì mâu thuẫn trầm trọng, trong năm 2020 anh S tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ, sau đó anh có về nhà 2 lần nói chuyện với chị xin lỗi chị và xin quay lại nhưng chị không tha thứ. Anh S thấy chị không còn tình cảm và không muốn quay lại nên cũng không về nữa và vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không liên lạc với nhau, không còn quan tâm nhau, mặc ai nấy sống. Từ khi anh về nhà mẹ đẻ sinh sống thì con cái một mình chị chăm lo, nuôi dưỡng cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Drao S.

- Về con chung:

Chị My Ra Y xác nhận vợ chồng có 03 con chung, tên Bon Dong M, sinh ngày 29/01/2006, Bon Dong Ha W, sinh ngày: 22/02/2008, Bon Dong R, sinh ngày: 22/4/2011.

Từ lúc anh S về ở bên nhà mẹ đẻ thì 03 cháu ở với chị. Hiện nay cả 03 cháu đều đã nghỉ học và đi làm, có thu nhập riêng, đủ nuôi sống bản thân. Riêng cháu Bon Dong My H đã lập gia đình riêng.

Ly hôn chị My Ra Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bon Dong Ra C, không yêu cầu anh Drao S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị My Ra Y xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Drao S đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Drao S vắng mặt, vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội

dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị My Ra Y và anh Drao S được ly hôn; về con chung: Giao cháu Bon Dong Ra C cho chị My Ra Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Drao S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị My Ra Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị My Ra Y và anh Drao S. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã K, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Bị đơn anh Drao S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn chị My Ra Y có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị My Ra Y, anh Drao S theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị My Ra Y và anh Drao S đã được Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 032/2007 ngày 07/5/2007. Thời điểm đăng ký kết hôn cả hai đều đủ điều kiện kết hôn, theo chị My Ra Y việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Anh Drao S không phản hồi hoặc cung cấp tài liệu nào xác định là việc kết hôn không tự nguyện. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị My Ra Y và anh Drao S là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị My Ra Y thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ khoảng năm 2016 trở đi. Nguyên nhân là do anh Drao S không chịu chăm lo làm ăn, lo kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu, chị nhắc nhở thì đánh chị và đánh con. Chị đi làm để lo kinh tế gia đình thì anh Drao S lại ghen tuông vô cớ, gây sự, chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị. Vì mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, mặc ai nấy sống.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con của chị My Ra Y và anh Drao S. Theo các cháu thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị My Ra Y và anh Drao S là do anh Drao S thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị

My Ra Y và các con, đập phá đồ đạc. Chị My Ra Y và anh Dráo S đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị My Ra Y và anh Dráo S là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn. Phía anh Dráo S, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần để làm việc, trình bày lời khai, hòa giải nhưng anh không đến, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị My Ra Y thể hiện sự bỏ mặc hôn nhân, không quan tâm, không tác động, níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị My Ra Y, cho chị My Ra Y và Dráo S được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị My Ra Y xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Bon Dong M, sinh ngày 29/01/2006, Bon Dong Ha W, sinh ngày: 22/02/2008, Bon Dong R, sinh ngày: 22/4/2011. Hiện cả 03 cháu đã nghỉ học và đi làm có thu nhập riêng, tự nuôi sống bản thân. Cháu Bon Dong My H và Bon Dong Ha W đã trên 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án chị My Ra Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bon Dong Ra C, không yêu cầu anh Dráo S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Bon Dong My H, Bon Dong Ha W đã trên 18 tuổi, không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với cháu Bon Dong Ra C mặc dù đã đi làm và có thu nhập riêng, tự nuôi sống được bản thân nhưng chưa đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy chị My Ra Y có yêu cầu nuôi con, cháu Bon Dong Ra C có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo chị My Ra Y và các con trình bày, chị My Ra Y hiện có công việc và thu nhập ổn định. Phía anh Dráo S không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày về vấn đề nuôi con, giải quyết con chung cũng như không có yêu cầu nuôi con. Về phần chị My Ra Y không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Bon Dong Ra C cho chị My Ra Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị My Ra Y không yêu cầu cấp dưỡng nên không buộc anh Dráo S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị My Ra Y xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị My Ra Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật. Anh Dráo S không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị My Ra Y đối với bị đơn anh Drao S.

Cho chị My Ra Y và anh Drao S được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 032/2007, ngày 07/5/2007 của Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh L chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Bon Dong Ra C, sinh ngày 22/4/2011 cho chị My Ra Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Drao S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị My Ra Y phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị My Ra Y đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 004534 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị My Ra Y đã nộp đủ án phí. Anh Drao S không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã K, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phúc